

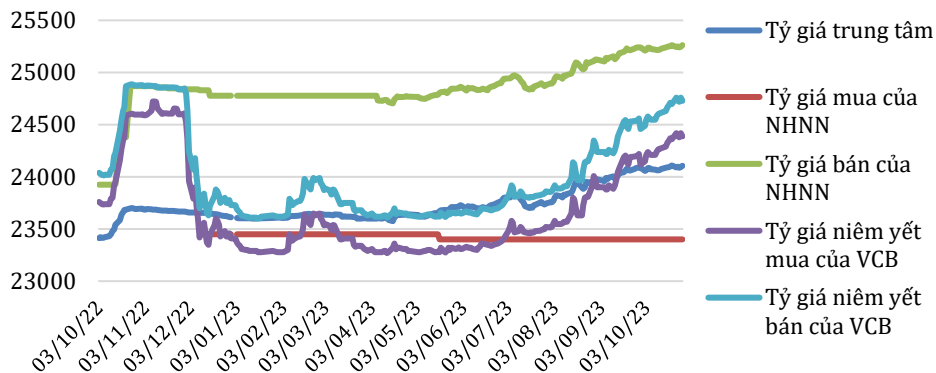
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 23/10 – 27/10

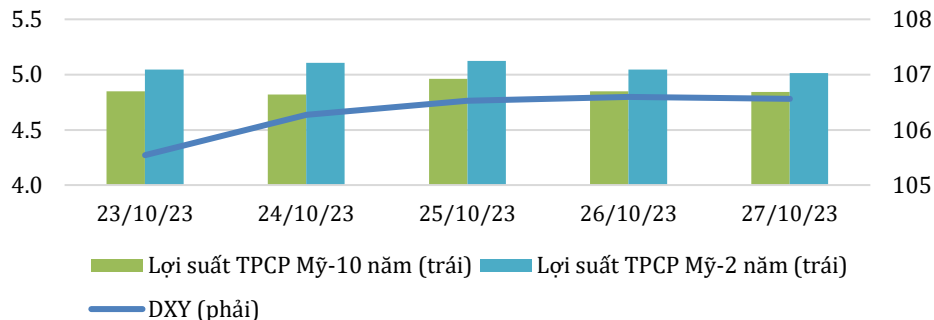
PHÒNG KINH DOANH VỐN

1 | Thị trường ngoại hối

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/VND TRONG NƯỚC



DXY & LỢI SUẤT TPCP MỸ



1, TIN TRONG NƯỚC

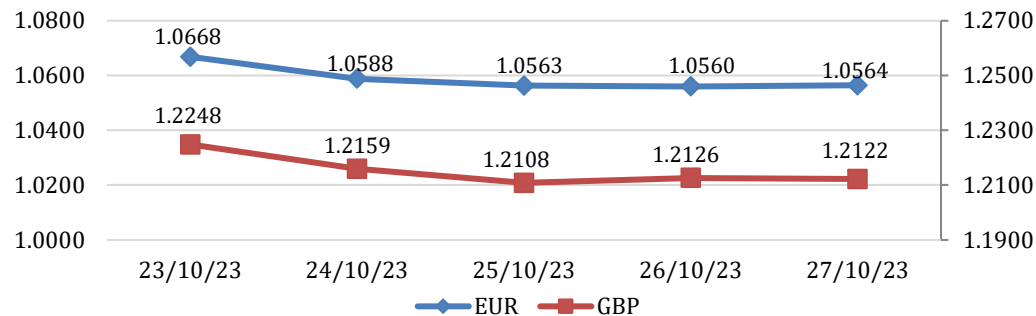
- Tỷ giá trung tâm (USD/VND) đóng cửa phiên ngày thứ 6 ở mức 24.107, tăng 17 đồng so với phiên đầu tuần tuy nhiên giảm 3 đồng so với phiên ngày thứ 6 tuần trước. Tỷ giá bán giao ngay (USD/VND) của NHNN trong phiên ngày thứ 6 được niêm yết ở mức 25.262, giảm 3 đồng so với phiên giao dịch cuối tuần trước.
- Tỷ giá mua - bán chuyển khoản tại Vietcombank (USD/VND) trong phiên ngày 6 ở mức 24.390 - 24.730, tăng 30 đồng ở cả chiều mua và chiều bán so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Dự báo: Tuần sau, tỷ giá niêm yết USD/VND của VCB nhiều khả năng giảm dần trong bối cảnh nguồn cung USD dự kiến tương đối dồi dào, đồng thời thị trường đang chờ đợi quyết định lãi suất tháng 11 của FED.

2, TIN QUỐC TẾ

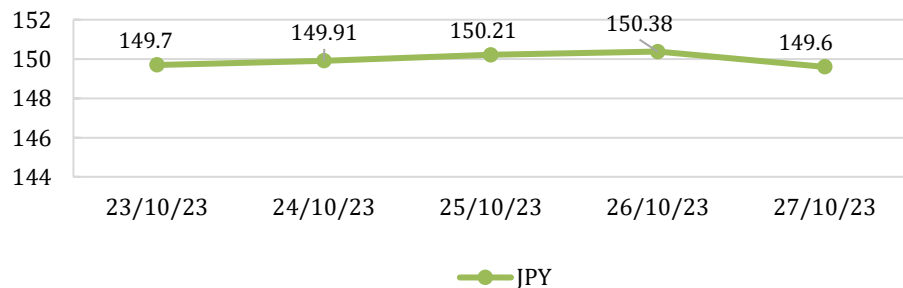
a) Mỹ

- Kết thúc phiên ngày thứ 6, chỉ số DXY tăng 0,38% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 106,16 lên 106,56) khi dữ liệu kinh tế Mỹ tích cực, đồng thời chỉ số lạm phát Mỹ - Core PCE trong tháng 9 vẫn ở mức cao, đúng với dự báo của thị trường.
- Tin kinh tế:
 - GDP quý III sơ bộ của Mỹ tăng 4,9% so với quý trước, tốt hơn kỳ vọng và mức tăng 2,1% của quý II.
 - Trong tháng 10, PMI tổng hợp, PMI sản xuất và dịch vụ sơ bộ của Mỹ lần lượt đạt 51; 50 và 50,9, cao hơn số liệu tháng 9 và đều đạt mức trung bình 50.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ EUR/USD & GBP/USD



DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/JPY



b) Châu Âu

- Tỷ giá EUR/USD giảm 0,27% so với phiên thứ 6 tuần trước (từ mức 1,0593 về mức 1,0564), khi PMI sơ bộ của EU tháng 9 tiếp tục ở mức dưới 50 và thấp hơn so với kỳ vọng, đồng thời NHTW Châu Âu quyết định không tăng lãi suất trong kì họp chính sách tiền tệ tuần vừa qua.

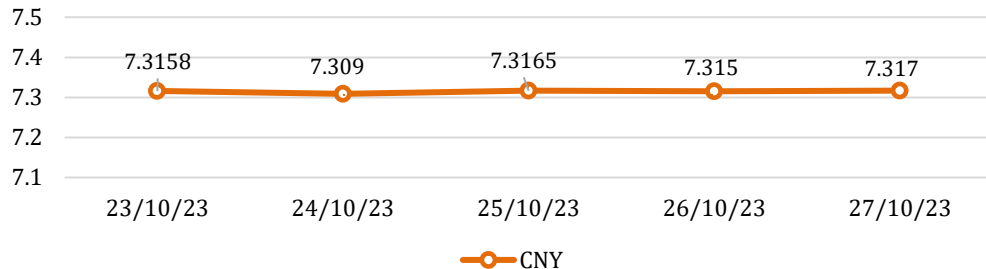
c) Anh

- Tỷ giá GBP/USD giảm 0,31% so với phiên cuối tuần trước (từ mức 1,2160 về mức 1,2122), khi PMI sơ bộ của Anh tháng 9 duy trì ở mức dưới 50 và thấp hơn so với kỳ vọng

d) Nhật Bản

- Tỷ giá USD/JPY giảm 0,16% so với phiên thứ 6 tuần trước (từ mức 149,84 về mức 149,60), tiếp tục dao động quanh mức 150, trong bối cảnh CPI lõi tháng 9 do NHTW Nhật bản công bố cao hơn so với mức kỳ vọng.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/CNY



e) Trung Quốc

- Tỷ giá USD/CNY tăng 0,02% so với phiên thứ 6 tuần trước đó (từ 7,3155 lên mức 7,3170), khi chính phủ Trung Quốc công bố kế hoạch phát hành 1 nghìn tỷ CNY (tương đương với khoảng 136 tỷ USD) trong quý IV/2023, trong bối cảnh thị trường vẫn hoài nghi về sự phục hồi kinh tế của Trung Quốc.

Một số sự kiện đáng chú ý diễn ra trong tuần tới (30/10/2023 – 03/11/2023): Một số dữ liệu kinh tế quan trọng được công bố, tâm điểm là cuộc họp chính sách tiền tệ của NHTW Nhật, Anh và FED:

- 30/10/2023:
 - NHTW Nhật Bản họp chính sách tiền tệ.
 - Đức công bố GDP Quý III/2023 và CPI tháng 10.
 - Trung Quốc công bố PMI sơ bộ tháng 10.
- 31/10/2023: EU công bố GDP Quý III/2023 và CPI tháng 10.
- 01/11/2023:
 - Mỹ và Anh công bố PMI sản xuất tháng 10 được cập nhật.
 - FED họp chính sách tiền tệ.
- 02/10/2023: NHTW Anh họp chính sách tiền tệ.
- 03/10/2023: Mỹ công bố PMI phi sản xuất, PMI tổng hợp được cập nhật và Bảng lương phi nông nghiệp tháng 10.

2 | Thị trường tiền tệ trong nước

Hình thức GD	Kỳ hạn (ngày)			Chênh lệch
		23/10 - 27/10/2023	16/10 - 20/10/2023	
OMO reverse repo (1)	7	0.000	0.000	0.000
	28	0.000	0.000	0.000
Tín phiếu (2)	7	0.000	0.000	0.000
	28	25.550	55.900	-30.350
Đến hạn Tín phiếu (3)		73.800	20.000	53.800
Đến hạn OMO (4)		0.000	0.000	0.000
Chênh lệch (5) = (1)-(2)+(3)-(4)		48.250	-35.900	

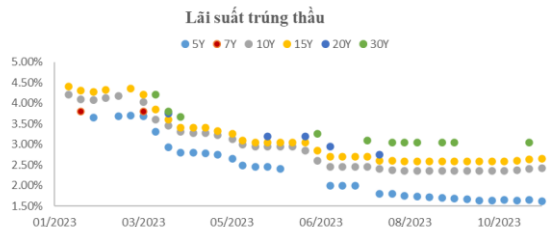
Diễn biến thị trường:

- Trong tuần 23 - 27/10/2023, mặt bằng lãi suất giao dịch trên thị trường LNH đã có đà tăng mạnh vào 3 ngày đầu tuần, tuy nhiên lại quay đầu giảm vào 2 ngày cuối sau khi có 1 lượng lớn tín phiếu đáo hạn trong tuần. Theo đó, trung bình lãi suất các kỳ hạn ON - 1W giao dịch quanh mức 2,15 - 2,35%/năm. Lãi suất tại các kỳ hạn dài 1M - 3M giao dịch quanh mức 2,8 - 3,5%/năm.
- Trên thị trường mở, trong tuần NHNN hút 25.550 tỷ đồng qua kênh tín phiếu với kỳ hạn 28 ngày, lãi suất từ 1,45% tới 1,5%/năm. Số dư tín phiếu tính tới hết ngày 27/10 ở mức 193.350 tỷ đồng. Kênh OMO tiếp tục được NHNN chào kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 4%/năm nhưng không có TCTD nào tham gia đấu thầu.

Dự báo:

- Dự kiến trong tuần tới, mặt bằng lãi suất giao dịch sẽ biến động tăng khi nhiều TCTD có xu hướng nhận nguồn VND để thực hiện DTBB trong những ngày đầu tháng.

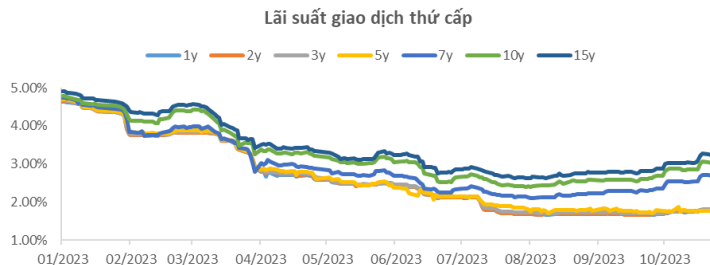
3 | Thị trường trái phiếu



Tuần qua, KBNN phát hành thành công 5.450 tỷ VND trong số 6.500 tỷ VND gọi thầu ở các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm giảm 3 bps, trong khi kỳ hạn 10 năm và 15 năm tăng 2 bps.

Thị trường thứ cấp

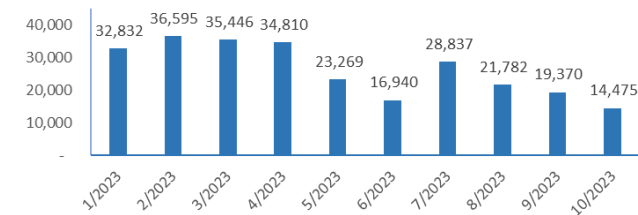
Thị trường thứ cấp có tuần giao dịch tương đối trầm lắng. Mặt bằng lợi suất TPCP kỳ hạn 10-15y giảm nhẹ trong khi lợi suất các kỳ hạn còn lại đi ngang trong biên độ hẹp.



Thị trường sơ cấp

Tỷ đồng

Khối lượng phát hành



Dự báo:

Tuần tới - từ 30/10/2023, dự kiến mặt bằng lợi suất TPCP biến động trong biên độ từ 1-7bps.
1-3 năm: 1,60 - 1,80%/năm; 5 năm: 1,70 - 1,80%/năm;
7 năm: 2,55 - 2,75%/năm; 10 năm: 2,80 - 2,92%/năm;
15 năm: 3,05 - 3,15%/năm.

4 | Thị trường hàng hóa

- Nhóm hàng Cà phê:

+ Lượng hàng tồn kho trên sàn ICE của cả 2 loại cà phê đang ở mức thấp kỷ lục trong vòng 1 năm trở lại đây. Tuy nhiên, giá cà phê vẫn chịu áp lực từ thời tiết tốt hơn ở Brazil, nhà sản xuất cà phê arabica hàng đầu thế giới, nơi mưa đã làm tăng độ ẩm đất và hỗ trợ cho việc ra hoa. Còn cà phê Robusta lại đang được hỗ trợ bởi xuất khẩu và sản lượng thấp hơn ở Việt Nam, nhà sản xuất hạt robusta lớn nhất thế giới.

+ Theo báo cáo của ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu từ tháng 10/2022 đến tháng 7/2023 giảm -5,7% so với giai đoạn cùng kỳ trước đó và thiếu hụt -7,3 triệu bao trong năm 2022/23. Colombia và Brazil, các nước sản xuất arabica hàng đầu, chứng kiến xuất khẩu giảm cà phê arabica vào tháng Bảy và tháng Chín, tương ứng. Xuất khẩu robusta lại tăng ở Honduras và Brazil trong thời gian này. Hiện tượng El Nino có thể mang lại thời tiết bất lợi cho các vùng trồng cà phê ở Brazil, Ấn Độ và Việt Nam, tuy nhiên, USDA FAS vẫn dự kiến sản lượng cà phê thế giới sẽ tăng trong năm 2023/24, dẫn đầu bởi Brazil, tuy nhiên nguồn dự trữ cuối kỳ sẽ giảm.

Nông sản	Mã	20/10/2023	27/10/2023	% thay đổi
Cà phê Robusta	LRCX23	2577	2553	-0,93%
Cà phê Arabica	KCEZ23	165,65	160,95	-2,84%
Ngô	ZCEZ23	505,20	480,75	-4,84%
Đậu tương	ZSEX23	1302,20	1297,25	-0,38%
Lúa mì	ZWAZ23	584,20	575,5	-1,49%
Bông	CTEZ23	82,44	84,38	+2,35%
Đường	SBEH24	26,85	27,34	+1,82%

- Nhóm hàng Ngũ cốc:

+ Hầu hết các khu vực nông nghiệp chủ chốt của Argentina đã đón nhận lượng mưa trung bình hơn 30 mm vào đầu tuần trước. Mưa liên tục, cải thiện độ ẩm đất giúp nông dân tăng tốc gieo trồng vụ ngô mới. Ngoài ra, khoảng 15% diện tích ngô của Argentina được đánh giá tốt/xuất sắc trong tuần kết thúc ngày 27 tháng Mười, tăng từ 6% một tuần trước. Triển vọng mùa vụ thuận lợi ở Argentina gây áp lực lớn lên giá ngô.

+ Trong khi đó, giá lúa mì dao động khá nhiều tuần qua. Tuy nhiên, bên bán vẫn có lợi thế và khiến giá lúa mì kết thúc tuần với mức giảm gần 2%.

+ Tương tự như ngô, triển vọng mùa vụ thuận lợi ở Argentina có ảnh hưởng mạnh mẽ đến giá lúa mì. Ngược lại, một số lo ngại về nguồn cung từ Ukraine phần nào thu hẹp sự giảm của giá lúa mì tuần qua.

- Nhóm hàng Nông sản khác:

+ Tổ chức Đường quốc tế (ISO) và Alvean, công ty thương mại đường lớn nhất thế giới, đều dự báo thiếu hụt đường toàn cầu trong năm 2023/24 do sản lượng giảm và nhu cầu tăng. Brazil, nước sản xuất đường lớn nhất thế giới, báo cáo sản lượng đường cao hơn vào tháng Mười, nhưng mùa mía của nước này đã bị sương giá hại vào đầu năm nay. Ấn Độ, nước sản xuất đường lớn thứ hai thế giới, đang xem xét cấm xuất khẩu đường trong năm 2023/24 do sản lượng đường thấp nguyên nhân bởi mưa không thuận lợi. Dự trữ đường của Ấn Độ đủ để đáp ứng nhu cầu trong 2 tháng rưỡi.

Kim loại và Năng lượng	Mã	20/10/2023	27/10/2023	% thay đổi
Đồng COMEX	CPEZ23	3,5530	3,6460	+2,62%
Đồng LME	CAD	7948,5	8099	+1,89%
Nhôm LME	AHD	2181,5	2220	+1,76%
Quặng sắt SGX	FEFX23	112,07	119,67	+6,78%
Dầu thô WTI	CLEZ23	88,08	85,54	-2,88%
Dầu thô Brent	QOZ23	92,16	90,48	-1,82%

- Nhóm hàng Kim loại

+ Kết thúc phiên cuối tuần 27/10, đồng LME 3 tháng đóng cửa ở mức 8099 USD/tấn, tăng 1.9% so với đầu tuần sau khi chạm mức cao nhất từ hôm 10/10 ở 8,122.5 USD/tấn trong bối cảnh đồng đô la Mỹ suy yếu, tín hiệu phục hồi từ các nhà tiêu thụ kim loại Trung Quốc cũng như tín hiệu tăng kỹ thuật. Ole Hasen, trưởng bộ phận chiến lược hàng hóa của Saxo Bank ở Copenhagen nói “Về ngắn hạn, chúng tôi đã cố gắng giữ vùng hỗ trợ quan trọng, điều này đã mang lại chút niềm tin cho thị trường”. Đồng LME đã hồi phục sau khi chạm mức thấp nhất 11 tháng là 7,856 USD/tấn hôm thứ Hai và vượt lên trên mức trung bình động 21 ngày vào thứ Sáu, đây là tín hiệu tăng giá ngắn hạn.

+ Các nhà lập pháp của Trung Quốc tuần trước đã phê duyệt 1 nghìn tỷ CNY trái phiếu để xây dựng lại khu vực bị thiên tai, nơi cần nhiều kim loại cho xây dựng. Tồn kho đồng do SHFE quản lý giảm xuống mức 478,725 tấn, thấp nhất từ 6/2 khi nguồn cung phế thải chặt ở Trung Quốc đã thúc đẩy nhu cầu của đồng thành phẩm.

- Nhóm hàng Năng lượng:

+ Giá dầu vẫn theo sát tình hình chiến sự tại khu vực Trung Đông. Tuy nhiên, những áp lực từ yếu tố kinh tế vĩ mô lần ắt đã kéo giá giảm mạnh trong các phiên đầu tuần qua. Giá dầu WTI chốt tuần giảm 2,88% xuống 85,54 USD/thùng. Dầu Brent giảm 1,82% xuống 90,48 USD/thùng.

+ Theo DB, các kho chứa LPG của châu Âu đã đầy 99% và ít có khả năng cạn kiệt vào mùa đông này.

+ Lượng nhập khẩu khí tự nhiên của Ai Cập từ mức 8000 mcf/ngày về mức 0 do việc đóng cửa mỏ Tarmar. Tuy nhiên, theo Chevron, công ty đang quản lý một số mỏ tại Israel, công ty vẫn tiếp tục thực hiện các hợp đồng cung cấp khí tự nhiên cho Ai Cập. Và trong thông báo vào tuần trước, Ai Cập tuyên bố sẽ nối lại xuất khẩu khí tự nhiên do nhu cầu trong nước suy giảm. Được biết Ai Cập vẫn đang nhập khẩu khí tự nhiên từ Israel phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Lưu ý sử dụng thông tin

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây, Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này, Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB, Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật,

*Thông tin liên hệ: Phòng Kinh doanh vốn – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tầng 6 Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137 (0348, 0306)
Reuters code: VCBH
Email: kdv@vietcombank.com.vn*